

TAND TỈNH KIÊN GIANG  
TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Bản án số: 73/2017 /HNGĐ-ST*

*Ngày 25/10/2017*

*V/v: “Xin ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu*

*Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Đặng Thành Tấn**

*Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phú Quốc*

**2. Bà Phạm Thị Kiềm**

*Chức vụ: Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Dương Đông 1*

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2017, về việc: “**Xin ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/9/2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1978**

**- Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1976**

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 3, xã CC, huyện PQ, tỉnh KG.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Chị Huỳnh Cẩm D, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp 3, xã CC, huyện PQ, tỉnh KG.**

**2. Bà Ngô Thị L (tự Gái Lùn), sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã CC, huyện PQ, tỉnh KG.**

**3. Chị Mai Thanh Ph (tự bé Mộc), sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp Lê Bát, xã CC, huyện PQ, KG.**

**- Con chung: Cháu Nguyễn Văn T, sinh năm 2001 và Nguyễn Văn N, sinh năm 2003**

(Bà D, bà L, chị Ph, cháu N có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)

### **NHẬN THẤY:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 02 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Y trình bày:

Anh Yên và chị Lê Thị Mỹ T tự nguyện yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện PQ vào ngày 29/6/2004. Trong quá trình chung sống, có với nhau 02 người con là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn liên quan đến việc chị T gây nợ, anh Y phải nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho chị T. Bản thân và gia đình đã khuyên can chị T rất nhiều lần nhưng chị vẫn không thay đổi. Đến nay, chị T tiếp tục gây nợ với số tiền tương đối lớn, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng, đến nay thì không thể hàn gắn được, thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau.

Nay anh Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ T.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N hiện đã lớn, tôn trọng quyết định của các cháu về nguyện vọng theo ở với cha hay mẹ. Tuy nhiên nếu các con có nguyện vọng theo ở với anh Y thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Về tài sản: Anh Y và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Nợ chị Huỳnh Cẩm D số tiền 24.000.000đ, nợ bà Ngô Thị L số tiền 15.000.000đ và nợ chị Mai Thanh Ph số tiền 8.000.000đ; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện PQ 25.916.640đ đồng anh Y nhận trả, chị T nhận trả tiền cho chị D, bà L, chị Ph.

**\* Bị đơn chị Lê Thị Mỹ T có ý kiến:** Về hôn nhân, con chung, công nợ, anh Y trình bày là đúng, chị không có ý kiến gì.

Về phần tài sản, chị có ý kiến như sau: trong quá trình chung sống, tài sản vợ chồng tạo dựng được gồm có một số thửa đất tại ấp 3, xã CC, huyện PQ, trong đó:

Một thửa đất tại ấp 3, xã CC, huyện PQ diện tích khoảng hơn một mẫu do thừa kế từ gia đình chồng, hiện đã có giấy chứng nhận QSD đất do anh Y đứng tên.

Một thửa đất diện tích 2.200m<sup>2</sup> nhận chuyển lại của bà Ng, vào năm 2015, với giá 1,2 tỷ đồng. Hiện có giấy chứng nhận QSD đất do ông Y đứng tên.

Một thửa đất 7.200m<sup>2</sup> nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn É vào năm 2011, với giá 300 triệu đồng, diện tích đất hiện đã có giấy chứng nhận QSD đất

cấp cho ông Thái Hoàng S (diện tích đất này do anh của ông S là ông Thái Văn L chuyển nhượng cho ông É), trên đất đang trồng tiêu hơn 1000 bụi đang cho trái.

Riêng về mâu thuẫn tình cảm vợ chồng thì chị có ý kiến do chị còn thương chồng thương con nên không muốn ly hôn với anh Y. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y, chị T đề nghị được chia tài sản chung theo luật định.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

**1. Chị Huỳnh Cẩm D** trình bày: yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn Y và chị Lê Thị Mỹ T trả cho chị D số tiền 24.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, trả trong 01 lần.

**2. Bà Ngô Thị L** yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn Y và chị Lê Thị Mỹ T trả cho bà L số tiền 15.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất trả trong 01 lần.

**3. Chị Mai Thanh Ph** yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn Y và chị Lê Thị Mỹ T trả cho chị Ph số tiền 8.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả trong 01 lần.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật;

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, yêu cầu ly hôn của anh Y là có cơ sở vì anh Y và chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T gây nợ nhiều người, buộc anh Y phải đứng ra trả nợ, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa chị T thống nhất ly hôn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Y được ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Y và chị T có nhau hai con chung hiện tại đã lớn, con theo ai thì người đó nuôi. Tại phiên tòa cháu Nguyễn Văn T có ý kiến ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, tại bản tự khai cháu N có ý kiến ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó cần chấp nhận chị T là người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và cháu N là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 con.

Về tài sản chung: Anh Y không yêu cầu chia, chị T cho rằng tài sản chung của vợ chồng gồm 03 thửa đất và căn nhà yêu cầu chia nhưng đến nay chị T vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí mặc dù Tòa án đã Thông báo cho chị T biết để nộp tiền tạm ứng án phí ngày 13/7/2017 và ngày 27/7/2017, nên yêu cầu chia tài sản của chị T không có căn cứ xem xét. Nếu sau này chị T có yêu cầu lại và nộp tiền theo quy định Tòa án sẽ giải quyết theo quy định.

Về nợ chung: Anh Y và chị T thừa nhận hiện còn nợ chị D số tiền 24.000.000đ; bà L số tiền 15.000.000đ và chị Ph số tiền 8.000.000đ, nợ Ngân

hàng chính sách xã hội huyện PQ 25.916.640đồng. Nay chị T thống nhất nhận trả nợ cho chị D, bà L, chị Ph; anh Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách, cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

Đối với yêu cầu độc lập của chị Huỳnh Cẩm D, bà Ngô Thị L, chị Mai Thanh Ph xét thấy có cơ sở vì chị T, anh Y thừa nhận có nợ và có nghĩa vụ đứng ra trả số nợ này được các chủ nợ đồng ý.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Về thủ tục tố tụng:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Cẩm D, bà Ngô Thị L, chị Mai Thanh Ph có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt người liên quan.

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn Y và chị Lê Thị Mỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện PQ, tỉnh KG vào ngày 29/6/2004 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Văn Y xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Mỹ T. Chị T đồng ý, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận anh Nguyễn Văn Y được ly hôn chị Lê Thị Mỹ T.

**Về con chung:** Tại bản tự khai, cháu Nguyễn Văn N và tại phiên tòa cháu Nguyễn Văn T có nguyện vọng ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu N cho chị T là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 con.

**Về tài sản chung:** Anh Y khởi kiện không yêu cầu chia tài sản, chị T cho rằng có tài sản chung, yêu cầu chia theo pháp luật. Chị T có đơn phản tố, Tòa án ra thông báo yêu cầu nộp tạm ứng án phí 02 lần (ngày 13/7/2017 và ngày 27/7/2017) nhưng chị không thực hiện do đó yêu cầu phản tố chia tài sản chung trong vụ án này, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này chị T có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn theo thủ tục chung.

**Công nợ chung:** Xét yêu cầu độc lập của chị Huỳnh Cẩm D, bà Ngô Thị L, chị Mai Thanh Phg cũng như ý kiến của anh Y, chị T; ý kiến đồng ý của các chủ nợ về việc chị T sẽ đứng ra trả nợ cho chị D với số tiền 24.000.000đ; bà L số tiền 15.000.000đ và chị Ph với số tiền 8.000.000đ. Xét việc thỏa thuận trả nợ là phù hợp pháp luật, cần ghi nhận.

Đối với số tiền 25.916.640đồng nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện PQ anh Y nhận nghĩa vụ trả, ngân hàng đồng ý. Tòa án đã thông báo cho ngân hàng tham gia tố tụng, tuy nhiên ngân hàng có ý kiến đã thỏa thuận việc trả nợ với anh Y nên không khởi kiện đòi tài sản trong vụ án này và không tham gia tố tụng trong vụ án.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí người cấp dưỡng; chị Lê Thị Mỹ T chịu án phí dân sự có giá ngạch; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28, 35, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 463; 466; 470; 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn Y được ly hôn chị Lê Thị Mỹ T.

### **2. Về con chung:**

a. Giao cháu Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T cho chị Lê Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

b. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Y về việc cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ/02 con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/11/2017 đến khi cháu T, cháu N đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung.

**3. Về tài sản chung:** Hội đồng xét xử không xem xét chia tài sản chung trong vụ án ly hôn này. Anh Y và chị T có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

**Công nợ chung:** Buộc chị Lê Thị Mỹ T trả cho chị Huỳnh Cẩm D số tiền 24.000.000đồng; trả cho bà Ngô Thị L số tiền 15.000.000đ; trả cho chị Mai Thanh Ph số tiền 8.000.000đ.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí người cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, theo lai thu số 0003734 ngày 27/02/2017, anh Y còn phải nộp thêm 300.000đồng.

Chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 2.350.000đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Chị Huỳnh Cẩm D được hoàn trả số tiền 600.000 đồng theo lai thu số 0006104 ngày 21/7/2017; Bà Ngô Thị L được hoàn trả số tiền 375.000đ theo lai thu số 0006164 ngày 22/8/2017; Chị Mai Thanh Ph được hoàn trả số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0006169 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (chị D, bà L, chị Ph vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Ngọc Triệu**